TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LA GI** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

------- ------- --------

Bản án số: 02 /2018/DS-ST
Ngày: 27/02/2018
V/v :" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI - TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hoa Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Đức**

2. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã La Gi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu phố x, phường Phước L, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Ngô Đặng T, sinh năm 1957(vắng mặt). Địa chỉ: Khu phố x, phường Phước L, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm N, sinh năm 1967(vắng mặt). Địa chỉ: Khu phố x, phường Phước L, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01.8.2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:

Ngày 04/01/2017, ông T mượn bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), ông T viết và ký giấy mượn tiền đưa bà L giữ, trong giấy không ghi thời hạn vay mượn nhưng ông nói sẽ trả trong vòng 15 ngày đến một tháng. Sau đó

khoảng nửa tháng thì ông T lại gặp bà L và mượn thêm 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và ông ghi tiếp vào giấy mượn tiền cũ nội dung mượn thêm 25 triệu, cả hai lần vay mượn hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất nhưng ông T nói khi trả nợ sẽ tính lãi cho bà L.

Quá thời hạn 1 tháng, bà L liên hệ ông T nhiều lần để đòi nợ nhưng ông T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ. Bà L khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 85.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/02/2017 đến nay theo lãi suất của Ngân hàng quy định.

Tại phiên toà, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, về lãi bà L yêu cầu HĐXX tính lãi từ ngày bà viết đơn khởi kiện đến ngày xét xử.

Bị đơn là ông Ngô Đặng T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn không có mặt để làm việc. Tại phiên toà, ông T vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chồng của bà Huỳnh Thị Kim L: Ông Phạm N có lời khai trong hồ sơ thống nhất như ý kiến của vợ là bà L, yêu cầu ông T trả số nợ trên co vợ chồng ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và sau khi nghe đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 85.000.000 đồng gốc và tính lãi suất theo ngân hàng từ ngày 04/02/2017 đến nay, là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn ông Ngô Đặng T vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật: Giao dịch giữa các bên là giao dịch vay tiền thông qua giấy tờ cho vay nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim L cung cấp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ tiền gốc và lãi. Xét thấy quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp qui định tại Điều 463 Bộ Luật Dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Theo lời khai và các chứng cứ trong hồ sơ cũng như việc thẩm tra tại phiên toà cho thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 85.000.000 đồng và tính lãi suất theo ngân hàng từ ngày 04/02/2017 đến nay. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có bất kỳ lời khai nào trong hồ sơ. Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì bị đơn thường xuyên không có nhà, bỏ đi đâu và làm gì không báo chính quyền địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc bị đơn có vay tiền nguyên đơn với tổng số tiền là 85.000.000 đồng. Số tiền cho

vay là tài sản chung của vợ chồng bà L. Vì vậy yêu cầu trả nợ của vợ chồng bà L là có căn cứ để chấp nhận, theo qui định tại Điều 466 Bộ Luật Dân Sự.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi tính từ thời điểm là 04/02/2017 đến khi Tòa án xét xử là ngày 27/02/2018 theo quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Tuy nhiên lời khai về việc ông T thỏa thuận trả lãi không có căn cứ chứng minh, giấy mượn tiền lập ngày 04/01/2017 do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ không có nội dung thỏa thuận lãi và không xác định thời hạn vay, tại phiên tòa bà L đồng ý yêu cầu tính lãi từ ngày bà viết đơn khởi kiện do vậy, HĐXX chỉ chấp nhận tính lãi trên nợ gốc từ ngày nguyên đơn khởi kiện (01/8/2017) đến ngày xét xử, theo qui định của Bộ luật dân sự 2015 tại khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469 cụ thể:

Từ ngày 01/8/2017 đến ngày 27/02/2018 là 6 tháng 26 ngày:

85.000.000đ x 0.833% x 6 tháng 26 ngày = 4.862.000đồng (lãi)

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Ngô Đặng T phải trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim L là 89.862.000 đồng.

Về án phí: Ông Ngô Đặng T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị Kim L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Ngô Đặng T phải trả số tiền gốc 85.000.000 đồng và lãi suất theo qui định của bộ luật dân sự 2015 từ ngày 01/8/2017 đến ngày 27/02/2018 cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim L. Về án phí: Ông Ngô Đặng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị Kim L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ Luật Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Ngô Đặng T phải trả số tiền là 89.862.000 đồng (tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng) cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim L - ông Phạm N.

2. Án phí: Ông Ngô Đặng T phải chịu 4.493.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí là 2.337.000 đồng, theo biên lai số 0017408 ngày 10.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo qui định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho các bên biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27.02.2018). Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hoa Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.